

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 620/CBTT-NCTS

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài

Mã chứng khoán: NCT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 Tòa nhà NTS - Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 35840905

Fax: (84-24) 35840906

Người thực hiện công bố thông tin: **Đình Văn Đình**

Địa chỉ: Số 14, Ngõ 7, Phố Ao Sen, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, TP.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0913095242 Fax: (84-24) 35840906

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, chuyên mục quan hệ cổ đông vào ngày 03/08/2021 tại đường dẫn: www.noibaicargo.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD;
- Lưu VT.



Đình Văn Đình

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN NGÀY 30/06/2021

Hà Nội, tháng 08 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.....	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban
Ông Vũ Xuân Mạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ

Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng tiểu ban	Bổ nhiệm từ 01/04/2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm từ 01/04/2021

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Xuân Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Đình	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)


- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Xuân Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

TRANG 3

Số: 449/2021/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 02 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0933-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30/06/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339.724.598.258	323.520.164.141
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	217.964.412.961	55.157.678.425
Tiền	111		18.696.412.961	9.417.678.425
Các khoản tương đương tiền	112		199.268.000.000	45.740.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	201.655.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	40.000.000.000	201.655.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.319.268.249	62.065.538.436
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.507.634.632	51.743.553.498
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.833.405.543	8.050.948.291
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	978.228.074	2.271.036.647
Hàng tồn kho	140	10	3.979.373.426	2.580.568.356
Hàng tồn kho	141		3.979.373.426	2.580.568.356
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.461.543.622	2.061.378.924
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	13.461.543.622	2.061.378.924
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.693.016.406	178.836.362.347
Tài sản cố định	220		102.641.349.346	101.291.287.550
Tài sản cố định hữu hình	221	12	100.046.285.845	98.164.094.033
- Nguyên giá	222		316.331.766.823	301.190.857.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(216.285.480.978)	(203.026.763.699)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.595.063.501	3.127.193.517
- Nguyên giá	228		11.315.535.250	11.315.535.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.720.471.749)	(8.188.341.733)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		65.049.600.000	65.049.600.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	8	65.049.600.000	65.049.600.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.002.067.060	12.495.474.797
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.000.888.702	12.494.358.095
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.178.358	1.116.702
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		508.417.614.664	502.356.526.488

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		76.652.633.992	93.097.190.273
Nợ ngắn hạn	310		67.823.633.992	85.208.190.273
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	10.771.360.487	10.221.381.824
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4.356.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	15.202.780.567	13.460.006.309
Phải trả người lao động	314		26.752.489.184	52.069.938.958
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.450.388.375	49.060.969
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.286.126.162	2.110.184.124
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.360.489.217	7.293.262.089
Nợ dài hạn	330		8.829.000.000	7.889.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16	8.829.000.000	7.889.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		431.764.980.672	409.259.336.215
Vốn chủ sở hữu	410	19	431.764.980.672	409.259.336.215
Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.669.400.000	261.669.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.669.400.000	261.669.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		38.369.630	38.369.630
Cổ phiếu quỹ	415		(12.080.000)	(12.080.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.069.291.042	147.563.646.585
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		63.622.523.457	19.310.658.786
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106.446.767.585	128.252.987.799
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		508.417.614.664	502.356.526.488

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	340.067.704.258	301.713.785.711
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		340.067.704.258	301.713.785.711
Giá vốn hàng bán	11	22	175.047.948.552	160.008.661.004
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165.019.755.706	141.705.124.707
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.969.722.077	13.716.544.898
Chi phí tài chính	22	24	7.026.211	56.011.060
Chi phí bán hàng	25	25	3.007.452.982	2.471.586.355
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	33.265.330.817	30.360.318.213
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		133.709.667.773	122.533.753.977
Thu nhập khác	31	28	1.945.724	4.620.161
Chi phí khác	32	29	28.471.794	949
Lợi nhuận khác	40		(26.526.070)	4.619.212
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		133.683.141.703	122.538.373.189
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	27.236.435.774	23.710.189.958
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(61.656)	(546.105.321)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		106.446.767.585	99.374.288.552
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	4.068	3.798

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		133.683.141.703	122.538.373.189
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.790.847.295	16.371.035.554
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.891.788	11.196.008
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.962.925.815)	(13.625.256.820)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		142.516.954.971	125.295.347.931
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(3.036.293.317)	12.440.788.247
(Tăng)/(Tăng) hàng tồn kho	10		(1.398.805.070)	(932.179.460)
(Giảm)/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(21.560.102.455)	(16.335.828.798)
Giảm chi phí trả trước	12		93.304.695	16.065.766.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.042.948.719)	(13.971.559.556)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	17		(4.376.700.000)	(6.972.380.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.195.410.105	115.589.954.758
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.369.850.000)	(3.761.780.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(292.608.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		201.655.000.000	303.465.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.745.080.209	13.297.518.523
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		154.030.230.209	20.392.738.523

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.413.423.100)	(104.523.418.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(78.413.423.100)	(104.523.418.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		162.812.217.214	31.459.274.681
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	55.157.678.425	48.575.308.831
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.482.678)	(5.032.254)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	217.964.412.961	80.029.551.258

(*) Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh là tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành.

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài, tên viết tắt là NCTS .,JSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0101640729 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 06/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 261.669.400.000 đồng chia thành 26.166.940 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP góp 144.254.010.000 đồng, chiếm tỷ lệ 55,13%, các cổ đông khác góp 117.415.390.000 đồng, chiếm tỷ lệ 44,87%. Ngày 08/01/2015, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài đã chính thức niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 764 người (tại ngày 31/12/2020 là 786 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Kinh doanh dịch vụ hàng hóa và các dịch vụ khác có liên quan đến dịch vụ phục vụ hàng hóa bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Kinh doanh kho bãi;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Dịch vụ kiểm tra hàng, cân hàng;
- Bốc xếp hành lý, hàng hoá đường bộ, đường không;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá đường không, đường biển, đường bộ;
- Dịch vụ vận chuyển mặt đất;
- Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Các dịch vụ khác hỗ trợ cho vận chuyển;
- Cho thuê kios, văn phòng phục vụ mục đích kinh doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí thuê tài sản, thuê mặt bằng cho nhiều kỳ, công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 10 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm (đối với công cụ dụng cụ) hoặc theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê tài sản).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	06 - 09
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình bao gồm các phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán, quản lý nhân sự, phần mềm quản lý kho... Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao 05 năm.

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

4.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam). Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch. Tỷ giá khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ; Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch; Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam).

4.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là lợi nhuận được chia (nếu có) từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ. Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC***Thuế giá trị gia tăng (VAT)***

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay của hãng hàng không Quốc tế hoặc Doanh nghiệp chế xuất chịu thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay của hãng hàng không Quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu dịch vụ xử lý hàng hóa chịu thuế suất 10%; thuế suất các dịch vụ khác là 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP, các Công ty con thuộc Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

4.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan tới phục vụ, xử lý hàng hóa, lưu kho hàng hóa, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	826.379.050	868.784.964
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.870.033.911	8.548.893.461
Các khoản tương đương tiền (*)	199.268.000.000	45.740.000.000
	<u>217.964.412.961</u>	<u>55.157.678.425</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	15.878.935.239	2.382.258.562
- Etihad Airways <EY>	7.499.596.545	13.917.811.464
- Qatar Airways <QR>	1.832.698.013	3.834.817.553
- Các đối tượng khác	32.296.404.835	31.608.665.919
	<u>57.507.634.632</u>	<u>51.743.553.498</u>
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33.3)</i>	<u>18.000.978.187</u>	<u>4.307.015.971</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	4.760.000.000	4.760.000.000
- Công ty TNHH Bán lẻ BRG	789.751.657	-
- Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Nam Anh	-	3.285.150.000
- Các đối tượng khác	283.653.886	5.798.291
	<u>5.833.405.543</u>	<u>8.050.948.291</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2021		01/01/2021			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	201.655.000.000	201.655.000.000	-
- Ngắn hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	201.655.000.000	201.655.000.000	-
+ <i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	40.000.000.000	40.000.000.000	-	201.655.000.000	201.655.000.000	-
Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	65.049.600.000		-	65.049.600.000		-
- Đầu tư vào đơn vị khác	65.049.600.000		-	65.049.600.000		-
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ALS)(**)	65.049.600.000	(**)	-	65.049.600.000	(**)	-
	105.049.600.000		-	266.704.600.000		-

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến không quá 12 tháng.

(**) Tại ngày 30/06/2021, Công ty nắm giữ 8.131.200 cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), với tỷ lệ quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Logistics Hàng không là 10,088%. Khoản đầu tư này chưa xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021
đến ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	978.228.074	-	2.271.036.647	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	946.924.402	-	1.525.241.864	-
- Phải thu trái tức trái phiếu chuyển đổi ALS	-	-	203.836.932	-
- Tạm ứng	10.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	408.504.600	-
- Phải thu khác	21.303.672	-	133.453.251	-
	978.228.074	-	2.271.036.647	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	3.871.148.426	-	2.431.593.356	-
- Công cụ, dụng cụ	108.225.000	-	148.975.000	-
	3.979.373.426	-	2.580.568.356	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	13.461.543.622	2.061.378.924
- Chi trả trước về thuê mặt bằng	12.807.925.820	882.148.960
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	653.617.802	1.179.229.964
Dài hạn	1.000.888.702	12.494.358.095
- Chi trả trước về thuê mặt bằng	-	9.597.319.900
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	555.773.371	647.334.507
- Chi phí trả trước dài hạn khác	445.115.331	2.249.703.688
	14.462.432.324	14.555.737.019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,

Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021

đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2021	23.120.166.299	81.490.143.285	159.192.953.094	37.387.595.054	301.190.857.732
- Mua trong kỳ	-	-	9.955.000.000	5.185.909.091	15.140.909.091
30/06/2021	<u>23.120.166.299</u>	<u>81.490.143.285</u>	<u>169.147.953.094</u>	<u>42.573.504.145</u>	<u>316.331.766.823</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2021	9.440.734.654	38.971.338.433	124.397.796.652	30.216.893.960	203.026.763.699
- Khấu hao trong kỳ	1.156.008.318	3.882.900.348	6.761.720.778	1.458.087.835	13.258.717.279
30/06/2021	<u>10.596.742.972</u>	<u>42.854.238.781</u>	<u>131.159.517.430</u>	<u>31.674.981.795</u>	<u>216.285.480.978</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2021	<u>13.679.431.645</u>	<u>42.518.804.852</u>	<u>34.795.156.442</u>	<u>7.170.701.094</u>	<u>98.164.094.033</u>
30/06/2021	<u>12.523.423.327</u>	<u>38.635.904.504</u>	<u>37.988.435.664</u>	<u>10.898.522.350</u>	<u>100.046.285.845</u>

Tại ngày 30/06/2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 147.068.464.250 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 118.429.329.703 đồng).

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	11.315.535.250	11.315.535.250
- Mua trong kỳ	-	-
30/06/2021	<u>11.315.535.250</u>	<u>11.315.535.250</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2021	8.188.341.733	8.188.341.733
- Khấu hao trong kỳ	532.130.016	532.130.016
30/06/2021	<u>8.720.471.749</u>	<u>8.720.471.749</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	<u>3.127.193.517</u>	<u>3.127.193.517</u>
30/06/2021	<u>2.595.063.501</u>	<u>2.595.063.501</u>

Tại ngày 30/06/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.994.235.250 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 5.994.235.250 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,

Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021

đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.178.358	1.116.702
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ của khoản mục tiền và phải thu	5.891.788	5.583.507
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20%	20%
	1.178.358	1.116.702

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	4.450.388.375	49.060.969
- Chi phí phúc lợi	3.500.000.000	-
- Chi phí phụ cấp độc hại	749.842.920	49.060.969
- Các khoản chi phí dịch vụ khác	200.545.455	-
	4.450.388.375	49.060.969

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.286.126.162	2.110.184.124
- Cổ tức phải trả	1.864.966.192	1.781.193.292
- Kinh phí công đoàn	317.644.647	284.108.009
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	103.515.323	44.882.823
Dài hạn	8.829.000.000	7.889.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.829.000.000	7.889.000.000
	11.115.126.162	9.999.184.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	3.694.108.902	3.694.108.902	5.090.926.589	5.090.926.589
- Công ty TNHH Dịch vụ kho vận ALS	829.189.135	829.189.135	578.960.021	578.960.021
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hồng Anh	810.611.725	810.611.725	763.613.400	763.613.400
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Minh Đức	645.714.190	645.714.190	604.538.130	604.538.130
- Công ty Cổ phần Logistics ASG	590.237.315	590.237.315	720.046.638	720.046.638
- Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	548.089.014	548.089.014	949.764.223	949.764.223
- Phải trả cho các đối tượng khác	3.653.410.206	3.653.410.206	1.513.532.823	1.513.532.823
	10.771.360.487	10.771.360.487	10.221.381.824	10.221.381.824
	4.265.633.037	4.265.633.037	5.090.926.589	5.090.926.589

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 33.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp bằng tiền trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.460.006.309	40.619.933.246	38.877.158.988	15.202.780.567
- Thuế giá trị gia tăng	1.395.814.395	11.331.833.367	11.875.060.809	852.586.953
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.013.279.085	27.236.435.774	25.042.948.719	14.206.766.140
- Thuế thu nhập cá nhân	50.912.829	1.883.306.853	1.790.792.208	143.427.474
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	142.676.416	142.676.416	-
- Thuế nhà thầu	-	22.680.836	22.680.836	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	11.642.568.624	11.642.568.624	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	252.581.047.453	514.276.737.083
- Lãi trong năm	-	-	-	206.750.183.799	206.750.183.799
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành năm 2019	-	-	-	(10.861.666.667)	(10.861.666.667)
- Phân phối lợi nhuận còn lại năm 2019	-	-	-	(222.408.722.000)	(222.408.722.000)
- Phân phối lợi nhuận lần 1 năm 2020	-	-	-	(78.497.196.000)	(78.497.196.000)
31/12/2020	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	147.563.646.585	409.259.336.215
01/01/2021	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	147.563.646.585	409.259.336.215
- Lãi trong năm	-	-	-	106.446.767.585	106.446.767.585
- Phân phối lợi nhuận lần 2 năm 2020 (*)	-	-	-	(78.497.196.000)	(78.497.196.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng HĐQT/BKS năm 2020 (**)	-	-	-	(5.443.927.128)	(5.443.927.128)
30/06/2021	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	170.069.291.042	431.764.980.672

(*) Công ty thực hiện trả cổ tức lần 2 năm 2020 với tỷ lệ 30%/Vốn điều lệ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty số 02/NQ-HĐQT/NCTS ngày 02/03/2021.

(**) Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 5.268.527.128 đồng và thưởng HĐQT/BKS năm 2020 số tiền 175.400.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty số 0121/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,

Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021

đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2021		01/01/2021	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	144.254.010.000	55,13%	144.254.010.000
Các cổ đông khác	117.415.390.000	44,87%	117.415.390.000	44,87%
	261.669.400.000	100,00%	261.669.400.000	100,00%

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	261.669.400.000	261.669.400.000
+ Vốn góp đầu kỳ	261.669.400.000	261.669.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	261.669.400.000	261.669.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.497.196.000	104.523.418.600

19.4 Cổ phiếu

	30/06/2021 CP	01/01/2021 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.166.940	26.166.940
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.166.940	26.166.940
+ Cổ phiếu phổ thông	26.166.940	26.166.940
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.208	1.208
+ Cổ phiếu phổ thông	1.208	1.208
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.165.732	26.165.732
+ Cổ phiếu phổ thông	26.165.732	26.165.732
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,

Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021

đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Ngoại tệ các loại (USD)	33.530,29	29.053,03

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
+ Doanh thu phục vụ hàng hoá	100.914.345.834	91.661.777.210
+ Doanh thu xử lý hàng hoá	143.480.330.158	133.344.626.296
+ Doanh thu lưu kho	39.634.818.519	31.436.792.354
+ Doanh thu dịch vụ khác	56.038.209.747	45.270.589.851
	<u>340.067.704.258</u>	<u>301.713.785.711</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33.2)</i>	<i>14.906.031.980</i>	<i>19.912.986.106</i>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	175.047.948.552	160.008.661.004
	<u>175.047.948.552</u>	<u>160.008.661.004</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.962.925.815	6.306.619.888
Cổ tức, trái tức từ ALS	-	7.318.636.932
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.796.262	91.288.078
	<u>4.969.722.077</u>	<u>13.716.544.898</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021
đến ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.134.423	44.815.052
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	5.891.788	11.196.008
	7.026.211	56.011.060

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí xúc tiến thương mại	3.007.452.982	2.378.869.155
Chi phí khác cho bán hàng	-	92.717.200
	3.007.452.982	2.471.586.355

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	10.743.696.220	9.401.066.871
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	661.377.837	707.571.278
Chi công cụ, dụng cụ	437.902.084	435.544.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.862.308.265	2.855.544.301
Chi bảo dưỡng, sửa chữa	1.225.573.819	2.731.025.621
Chi phí thuê văn phòng, thuê tài sản	2.950.892.160	3.006.937.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.812.084.437	1.934.347.794
Chi phí khác	12.571.495.995	9.288.280.185
	33.265.330.817	30.360.318.213



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	73.632.844.029	65.432.053.532
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.605.676.831	17.005.573.941
Chi công cụ, dụng cụ	718.127.003	754.979.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.790.847.295	16.371.035.554
Chi bảo dưỡng, sửa chữa	7.572.558.602	8.867.642.541
Chi phí thuê tài sản	38.189.648.358	38.245.693.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.716.066.236	28.071.382.158
Chi phí khác	20.087.511.015	15.620.617.831
Chi phí bán hàng	3.007.452.982	2.471.586.355
	211.320.732.351	192.840.565.572
<i>Mua hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33.2)</i>	<i>12.958.189.440</i>	<i>7.572.815.686</i>

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Thu chậm thanh toán	1.939.300	3.814.861
Thu bán hồ sơ thầu	-	454.545
Các khoản khác	6.424	350.755
	1.945.724	4.620.161

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Các khoản chi phí khác	28.471.794	949
	28.471.794	949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập lỗ CLTG đánh giá lại năm trước	1.116.702	927.577
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	(1.178.358)	(2.239.202)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ khấu hao thang nâng ULD	-	(544.793.696)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(61.656)	(546.105.321)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	133.683.141.703	122.538.373.189
Cộng:	3.125.326.899	3.132.014.484
- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	357.000.000	366.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	5.891.788	11.196.008
- Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ	2.762.435.111	2.754.818.476
Trừ:	(626.289.734)	(4.637.885)
- Chi phí vật tư và nhiên liệu đã xuất nhưng chưa sử dụng năm trước chuyển sang	(620.706.227)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm trước	(5.583.507)	(4.637.885)
Thu nhập được miễn thuế	-	(7.114.800.000)
Thu nhập từ đầu tư góp vốn	-	(7.114.800.000)
Thu nhập chịu thuế	136.182.178.868	118.550.949.788
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong kỳ	27.236.435.774	23.710.189.958
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.236.435.774	23.710.189.958

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021
đến ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	106.446.767.585	99.374.288.552
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	106.446.767.585	99.374.288.552
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ (CP)	26.165.732	26.165.732
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	4.068	3.798

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**33.1 Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- Chi nhánh - TCT Hàng không Việt nam - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	Chi nhánh của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO)	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO (NASCO Logistics)	Công ty con của NASCO
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	Công ty cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay tại TP Hồ Chí Minh	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS - TCT)	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt nam - CN Nội Bài (VIAGS)	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá VINA KO	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần In Hàng không	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,

Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021

đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****33.2 Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu các bên liên quan		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.269.706.068	17.738.843.492
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	509.749.389	756.596.790
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO (NASCO Logistics)	1.325.417.928	872.053.432
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)	730.896.532	332.581.437
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	930.400	156.427.345
- Chi nhánh - TCT Hàng không Việt Nam - Công ty Bay Dịch vụ hàng không	16.250.000	18.002.175
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	46.019.663	21.833.850
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	7.062.000	15.670.000
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	977.585
	14.906.031.980	19.912.986.106
	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	9.477.835.620	4.638.859.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	1.254.061.470	1.425.048.433
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS - TCT)	1.874.992.350	1.508.908.253
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	213.300.000	-
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	138.000.000	-
	12.958.189.440	7.572.815.686
	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	43.276.203.000	57.701.604.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	5.482.947.000	7.310.596.000
- Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá VINAKO	2.321.865.000	3.095.820.000
	51.081.015.000	68.108.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021
đến ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****33.2 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)****Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Tổng Giám đốc	658.475.000	923.675.000
Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	599.395.000	702.743.333
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	593.955.000	702.743.333
Ông Đinh Văn Đình	Kế toán trưởng	569.045.000	641.398.334
		2.420.870.000	2.970.560.000

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Hội đồng quản trị		375.000.000	376.800.000
Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch	89.400.000	-
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch	-	88.800.000
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên	71.400.000	72.000.000
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Thành viên	71.400.000	72.000.000
Ông Trường Duy Đức	Thành viên	-	72.000.000
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	71.400.000	72.000.000
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	71.400.000	-
Ban kiểm soát		286.800.000	230.400.000
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban	180.000.000	108.000.000
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên	-	61.200.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	53.400.000	61.200.000
Ông Vũ Xuân Mạnh	Thành viên	53.400.000	-
		661.800.000	607.200.000

33.3 Số dư với các bên liên quan

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu bên liên quan		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	15.878.935.239	2.382.258.562
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	1.692.303.890	1.685.499.170
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO (NASCO Logistics)	346.587.004	121.430.415
- Chi nhánh - TCT Hàng không Việt nam - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	6.325.000	6.325.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	-	15.817.802
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)	76.827.054	95.685.022
	18.000.978.187	4.307.015.971

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021
đến ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****33.3 Số dư với các bên liên quan (tiếp)**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	3.694.108.902	5.090.926.589
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS - TCT)	329.703.450	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	241.820.685	-
	4.265.633.037	5.090.926.589
Đặt cọc, Ký quỹ		
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO (NASCO Logistics)	140.000.000	140.000.000
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)	120.000.000	120.000.000
	260.000.000	260.000.000

34. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Phúc